TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **410**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2024
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kỳ Phong;

2. Ông Châu Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên;

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐXXST-HN ngày 05/8/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 159/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, phường BĐ, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Mai Văn T**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp BN, xã BPN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn T qua tìm hiểu, sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BPN ngày 16/6/2008. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, do anh T có hành vi chửi mắn, bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mai T Th, sinh ngày 10/3/2009 và Mai Th C, sinh ngày 31/3/2015. Hiện nay 2 con chung đang sống với chị B, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuân, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Mai Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ việc, nhưng đã vắng mặt không đến Toà án và cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Toà án về yêu cầu khởi kiện của chị B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị B xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo gia đình, mẫu thuẫn gay gắt, triệu tập không đến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, hiện chị B không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án chấp nhận T bộ yêu cầu của chị B.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu T bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của chị B, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Mai Văn T qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã BPN. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn anh Mai Văn T đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị B xin ly hôn là do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị B khai do anh T có hành vi đánh đập, chửi mắn, bạo lực gia đình nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu xin ly hôn để ổn định

cuộc sống. Phía anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến đều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có Có 02 con chung tên Mai T Th, sinh ngày 10/3/2009 và Mai Th C, sinh ngày 31/3/2015. Hiện nay 2 con chung đang sống với chị B, khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị B yêu cầu nuôi con chung, anh T không có ý kiến phản đối, ý chí con chung muốn sống với chị B nên cần giữ ổn định cho 02 cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho chị B trực tiếp nuôi 02 con chung. Chị B nuôi con chung, anh T có quyền đi lại thăm nôm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc B đối với Mai Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn với anh T;

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai T Th, sinh ngày 10/3/2009 và Mai Th C, sinh ngày 31/3/2015 cho chị B được trực tiếp nuôi, anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị B có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007548 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị B và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã BPN;
- Lưu hồ sơ